

Số: 01 /NQ-ĐHĐCĐTN

Hạ Long, ngày 25 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT  
Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CÔNG TY CỔ PHẦN THAN HÀ LÂM – VINACOMIN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, ngày 17/6/2020;  
Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty CP Than Hà Lâm-Vinacomin;  
Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty CP Than Hà Lâm - Vinacomin số 01/2025/BB-ĐHĐCĐTN ngày 25/4/2025.

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2024; kế hoạch SXKD và dự kiến mức cổ tức năm 2025 với các chỉ tiêu cơ bản sau:

1. Kết quả SXKD (một số chỉ tiêu chủ yếu 2024) và đầu tư xây dựng năm 2024

a) Kết quả SXKD (một số chỉ tiêu chủ yếu 2024):

TT	TÊN CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2024	KH ĐIỀU CHỈNH	THỰC HIỆN NĂM 2024	TỶ LỆ	
						TH/KH	TH/KHĐC
			1	2	3	4 = 3/1	5 = 3/2
1	Than nguyên khai khai thác	Tấn	2 400 000	2 400 000	2 358 386	98,3	98,3
	- Than hầm lò	"	2 400 000	2 400 000	2 358 386	98,3	98,3
	+ Trong đó than lò chợ CGH	"	1 125 000	1 125 000	1 080 728	96,1	96,1
2	Đào lò CBSX	m	11 985	11 735	11 770	98,2	100,3
3	Than sạch sản xuất tại mỏ	Tấn	790 500	790 500	778 419	98,5	98,5
4	Than tiêu thụ	Tấn	2 240 000	2 240 000	2 163 590	96,6	96,6
5	Doanh thu than	Tr.đồng	3 066 941	2 927 856	2 968 208	96,8	101,4
6	Lợi nhuận trước thuế	"	99 324	99 324	117 525	118,3	118,3
7	Lao động bình quân	Người	3 484	3 484	3 373	96,8	96,8
8	Tiền lương bình quân/người/tháng	1000đ	18 821	18 821	21 277	113,0	113,0

b) Thực hiện đầu tư xây dựng năm 2024:

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung công việc	KH 2024 được giao	KH 2024 điều chỉnh	Thực hiện năm 2024	Tỷ lệ hoàn thành	
					Trên KH được giao	Trên KH điều chỉnh
	TỔNG SỐ	177.842	163.497	155.897	87,6%	95,4%
I	Kế hoạch thực hiện	98.154	163.497	155.897		
1	Xây lắp					
2	Chi phí thiết bị	92.165	161.887	154.421		
3	Chi phí tư vấn và chi phí khác	5.989	1.610	1.476		
II	Dự phòng	79.687				

2. Kế hoạch SXKD và đầu tư năm 2025, dự kiến mức cổ tức năm 2025 và ủy quyền điều chỉnh KHSXKD năm 2025:

a) Một số chỉ tiêu kế hoạch SXKD chủ yếu năm 2025:

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2025
1	Than nguyên khai khai thác	1000Tấn	2.400
	- Than hầm lò	"	2.400
	+ Trong đó than lò chợ CGH:	"	1.200
2	Mét lò CBSX	m	12.300
3	Than sạch sản xuất tại mỏ	1000Tấn	749
4	Than tiêu thụ	1000Tấn	2.249
5	Doanh thu than	Tr.đồng	3.253.303
6	Lợi nhuận sản xuất than	"	52.047
7	Lao động bình quân	Người	3.478
8	Tiền lương bình quân/người/tháng	1000đ	19.944

b) Kế hoạch đầu tư năm 2025:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
A	TỔNG SỐ	Tr.đồng	126.100	
1	Xây dựng	"	2.820	
2	Chi phí thiết bị	"	120.587	
3	Chi phí tư vấn và chi phí khác	"	2.692	

c) Dự kiến mức cổ tức thanh toán năm 2025 là  $\geq 6\%$  /Vốn điều lệ

d) Đại hội ủy quyền cho HĐQT Công ty:

- Điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2025 khi điều kiện SXKD có sự thay đổi hoặc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam điều chỉnh kế hoạch phối hợp kinh doanh với Công ty, nhưng phải đảm bảo lợi nhuận thực hiện không thấp hơn lợi nhuận kế hoạch đã được đại hội thông qua.



- Triển khai thực hiện tái cơ cấu Công ty theo Đề án cơ cấu lại Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam đến năm 2025 theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch triển khai của Tập đoàn TKV.

**Điều 2.** Thông qua Báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam- Chi nhánh Hà Thành.

**Điều 3.** Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2024 như sau:

TT	Nội dung	Số tiền (đồng)	Ghi chú
1	Lợi nhuận trước thuế	117.525.442.154	
2	Thuế TNDN phải nộp	29.792.024.942	
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	87.733.417.212	
4	Lợi nhuận chưa phân phối năm trước chuyển sang	10.717.181.746	
5	Lợi nhuận để lại chưa phân phối năm nay		
	Trong đó: Tài sản thuế thu nhập hoãn lại tại ngày 31/12/2024	10.717.181.746	
6	Lợi nhuận còn lại để phân phối (3+4-5)	87.733.417.212	
a	Chi trả cổ tức năm 2024: 8% vốn điều lệ	20.332.159.200	
b	Lợi nhuận còn lại sau khi trả cổ tức	67.401.258.012	
-	Trích quỹ đầu tư phát triển (15% LNST)	13.160.012.582	
-	Trích quỹ thưởng người quản lý Công ty	325.833.000	
-	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	53.915.412.430	

**Điều 4.** Thông qua báo cáo thanh toán tiền thù lao, tiền lương thực hiện của cán bộ quản lý năm 2024; kế hoạch mức thù lao, phụ cấp và kế hoạch tiền lương của cán bộ quản lý năm 2025.

1. Thực hiện năm 2024:

1.1. Tổng mức thù lao và thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2024:

TT	Chức danh	Số người	Tổng số (đồng)	Đã chi 80% (đồng)	Còn lại 20% (đồng)	Ghi chú
1	Hội đồng Quản trị	3	175.200.000	140.160.000	35.040.000	20% còn lại sẽ chi trả năm 2025
2	Ban kiểm soát	2	110.400.000	88.320.000	22.080.000	
	Tổng cộng		<b>285.600.000</b>	<b>228.480.000</b>	<b>57.120.000</b>	

1.2. Phụ cấp và thực hiện chi trả phụ cấp cho thành viên HĐQT độc lập năm 2024:

TT	Chức danh	Số người	Tổng số (đồng)	Đã chi 80% (đồng)	Còn lại 20% (đồng)	Ghi chú
1	Thành viên HĐQT độc lập	1	276.000.000	220.800.000	55.200.000	20% còn lại sẽ chi trả năm 2025
	Tổng cộng		<b>276.000.000</b>	<b>220.800.000</b>	<b>55.200.000</b>	

1.3. Tiền lương và thực hiện chi trả tiền lương cho người quản lý năm 2024:

TT	Chức danh	Số người	Tổng số (đồng)	Đã chi đến 31/12/2024 (đồng)	Còn lại (đồng)	Ghi chú
1	Giám đốc	01	627 595 143	390 850 352	236 744 791	Số còn lại chi trả trong quý 1 năm 2025 và sau khi quyết toán
2	Phó Giám đốc; TV HĐQT, BKS chuyên trách	05	2 775 901 595	1 735 892 305	1 040 009 290	
3	Kế toán trưởng	1	506 903 769	318 002 845	188 900 924	
	<b>Tổng cộng</b>		<b>3 910 400 507</b>	<b>2 444 745 502</b>	<b>1 465 655 005</b>	

2. Kế hoạch năm 2025:

2.1. Kế hoạch thù lao HĐQT, BKS và phụ cấp của thành viên HĐQT độc lập năm 2025:

TT	Chức danh quản lý	Số lượng (người)	Số tháng/năm	Thù lao/ Phụ cấp (nghìn đồng/tháng)	Tiền thù lao (nghìn đồng/năm)	Phụ cấp (nghìn đồng/năm)
1	Chủ tịch HĐQT	01	12	5.400	64.800	
2	Thành viên HĐQT	02	12	4.600	110.400	
3	TV HĐQT độc lập	01	12	23.000		276.000
4	Trưởng BKS	01	12	4.800	57.600	
5	Thành viên BKS	01	12	4.600	55.200	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>288.000</b>	<b>276.000</b>

2.2. Kế hoạch tiền lương của người quản lý năm 2025:

TT	Chức danh	Số lượng (người)	Mức lương 1 tháng	Hệ số điều chỉnh	Mức lương 1 tháng sau điều chỉnh hệ số	Số tháng	Tổng tiền lương năm 2025
1	Giám đốc	01	26	2	52	12	624,0
2	PGĐ An Toàn, PGĐ kỹ thuật, TV HĐQT chuyên trách, TV BKS chuyên trách	04	23	2	46	12	2 208
3	Phó giám đốc sản xuất	01	23	2	46	9,93	456,7



TT	Chức danh	Số lượng (người)	Mức lương 1 tháng	Hệ số điều chỉnh	Mức lương 1 tháng sau điều chỉnh hệ số	Số tháng	Tổng tiền lương năm 2025
4	Phó Giám đốc Cơ điện - Vận tải	01	23	2	46	11,38	523,3
5	Kế toán trưởng	01	21	2	42	12	504,0
<b>Tổng cộng</b>		<b>08</b>					<b>4 316</b>

2.3. Trường hợp Nhà nước và Tập đoàn TKV có thay đổi quy định về tiền lương, thù lao, phụ cấp đối với Người quản lý doanh nghiệp thì ủy quyền cho HĐQT quyết định điều chỉnh việc chi trả tiền lương, thù lao, phụ cấp đối với Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành Công ty và báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên 2026.

**Điều 5.** Thông qua Báo cáo của HĐQT về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2024, phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025.

**Điều 6.** Thông qua Báo cáo hợp đồng, giao dịch năm 2025 của Công ty với người có liên quan thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ thông qua.

**Điều 7.** Thông qua bổ sung ngành, nghề kinh doanh và sửa đổi Điều lệ Công ty như sau:

1. Bổ sung 03 mã ngành, nghề kinh doanh: (i) Mã 7120 – Kiểm tra và phân tích kỹ thuật (để thực hiện kiểm định cột chống thủy lực, vì chống thủy lực sử dụng trong khai thác hầm lò); (ii) Mã 2011: Sản xuất hóa chất cơ bản – Chi tiết: Hoạt động sản xuất khí Ni to; (iii) Mã 3512: Truyền tải và phân phối điện – Chi tiết: Phân phối điện (hoạt động bán lẻ điện).

2. Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty để bổ sung 03 ngành nghề kinh doanh nêu tại Khoản 1.

**Điều 8.** Thông qua Báo cáo của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của HĐQT năm 2024.

**Điều 9.** Thông qua Báo cáo đánh giá của BKS về kết quả SXKD và thẩm định báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán năm 2024.

**Điều 10.** Thông qua Báo cáo Hoạt động của Ban kiểm soát về đánh giá kết quả hoạt động của HĐQT; Giám đốc Công ty trong năm 2024.

**Điều 11.** Phê chuẩn đề xuất lựa chọn danh sách Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty, gồm:

1. Công ty TNHH kiểm toán AFC Việt Nam- Chi nhánh Hà Thành; Địa chỉ: Số 44 Nguyễn Công Hoan, P. Ngọc Khánh, Q. Ba Đình, TP. Hà Nội;

2. Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC; Địa chỉ: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội.

3. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam Chi nhánh Hà Nội; Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Cornerstone, Số 16 Phan Chu Trinh; P. Phan Chu Trinh; Q. Hoàn Kiếm; Hà Nội.

Đại hội ủy quyền cho HĐQT Công ty lựa chọn 01 Công ty kiểm toán độc lập (trong 03 Công ty trên) theo quy định của pháp luật để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2025 theo quy định hiện hành.

**Điều 12. Hiệu lực và tổ chức thực hiện Nghị quyết**

1. Hiệu lực: Nghị quyết này có hiệu lực kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 tán thành biểu quyết thông qua.

2. Tổ chức thực hiện Nghị quyết: Các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026./.

**Nơi nhận:**

- Các cổ đông (tiếp cận tại Website của CTy);
- Ủy ban CKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- HĐQT, BKS công ty (e-copy);
- Đảng ủy, CĐ, ĐTN CTy (e-copy);
- Ban Giám đốc, cán bộ quản lý khác (e-copy);
- Phòng CV (CBTT trên TTCK và đăng Website của Cty);
- Lưu : Hồ sơ Đại hội.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**



**Trần Văn Cừ  
(CHỦ TỊCH HĐQT CÔNG TY)**

